

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 1210/2024/HC-PT

Ngày 25 tháng 11 năm 2024

V/v Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại; quyết định và hành vi về việc bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Thúy

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Thanh Dũng

Ông Phan Nhựt Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 706/2024/TLPT-HC ngày 21 tháng 8 năm 2024 về việc “Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại; quyết định và hành vi về việc bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 107/2024/HC-ST ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4302/2024/QĐPT-HC ngày 01 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1954 (có mặt).

Nơi thường trú: Ấp Đ, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Anh V, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố A, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Trần Hoàng D1, thuộc Công ty L1 – Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

Địa chỉ: Số E (tầng B), Đường H, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh

Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang.
2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Lê Quốc T – Phó Chủ tịch (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Trần Quang L – Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố P (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Vườn Quốc gia phú Q (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp X, xã B, thành phố P, tỉnh Kiên Giang

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện là ông Nguyễn Văn D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện ông Nguyễn Văn D trình bày:

Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất: Toàn bộ diện tích 37.708,1m² do cha của ông Nguyễn Văn D khai phá trước năm 1990 có trồng Dừa, Đ và sau đó cho ông D quản lý sử dụng đến khi thu hồi đất, đất có 02 phần:

+ Phần thứ 1: Diện tích 21.406,4m², trong đó có 3.406m² đất lộ giới, diện tích còn lại 18.000m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (CNQSD) đất vào năm 1994.

+ Phần thứ 2: Diện tích 16.301,7m² chưa được cấp giấy CNQSD đất.

Năm 2007 Ủy ban nhân dân(UBND) huyện (nay là thành phố) Phú Quốc kiểm kê, đo đạc đất đai, hoa màu và vật kiến trúc để thực hiện dự án Khu D, ông D đã kê khai toàn bộ 02 phần đất nói trên, tổng diện tích đất 37.708,1m².

Ngày 20/10/2011 UBND thành phố P ban hành Quyết định số 5046/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thuộc Dự án Khu D tọa lạc tại ấp Đ, xã D và thị trấn A, huyện P (nay là phường A, thành phố P), tỉnh Kiên Giang.

Ngày 27/10/2011 UBND thành phố P ban hành Quyết định số 5219/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích 37.708,1m² đất đối với ông D.

Ngày 10/11/2011 UBND thành phố P ban hành Quyết định số 5603/QĐ-

UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông D tổng số tiền là 4.155.416.500 đồng cho diện tích đất 21.406,4m². Diện tích đất còn lại 16.301,7m² không được bồi thường, hỗ trợ.

Ngày 10/11/2016 UBND thành phố P ban hành Quyết định số 6880/QĐ-UBND về việc bổ sung bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 16.301,7m² cho ông D với tổng số tiền 6.666.073.800 đồng. Trong đó, bồi thường QSD đất diện tích 9.467,4m² (vị trí 1 giá 188.000đồng/m²); diện tích 6.834,7m² (vị trí 2 giá 90.000đồng/m²); hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với diện tích 7.572,9m² (nằm trong diện tích 16.301,7m²) với giá 188.000 đồng/m².

Ngày 26/6/2017 UBND thành phố P ban hành Quyết định số 6270/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông D với nội dung: Thống nhất bổ sung Quyết định số 6880/QĐ-UBND ngày 10/11/2016 về việc bổ sung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư quyền sử dụng đất diện tích 16.301,7m² theo giá đất năm 2016.

Ngày 18/02/2020 UBND thành phố P ban hành Quyết định số 991/QĐ-UBND về việc bổ sung bồi thường quyền sử dụng đất, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho ông D nhưng đến ngày 02/02/2021 mới gửi Thông báo số 137/TB-BBTTHT&TĐC để chi trả tiền cho ông D. Ông D nhận tiền nhưng không thống nhất giá và tiếp tục khiếu nại gửi Chủ tịch UBND thành phố P.

Ngày 27/10/2023 Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định số 5358/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại, giữ nguyên Quyết định số 991/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 của UBND thành phố P, không thừa nhận nội dung khiếu nại của ông D về nâng giá đất bồi thường theo Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND ngày 13/01/2020 của UBND tỉnh K.

Ông D không đồng ý Quyết định số 991/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 của UBND thành phố P và Quyết định số 5358/QĐ-UBND ngày 27/10/2023 của Chủ tịch UBND thành phố P, vì:

+ Quyết định số 991/QĐ-UBND được UBND thành phố P ban hành ngày 18/02/2020 nhưng đến ngày 02/02/2021 mới thông báo cho ông D nhận tiền bồi thường, hỗ trợ là chưa phù hợp, vì thời điểm nào thông báo cho ông D thì phải áp giá đất tại thời điểm đó.

+ Tại thời điểm UBND thành phố P ban hành Quyết định số 991/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 thì Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND ngày 13/01/2020 của UBND tỉnh K về ban hành quy định bảng giá đất giai đoạn năm 2020 – 2024 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đã có hiệu lực pháp luật, nhưng không áp dụng giá đất theo Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND để bồi thường, hỗ trợ về đất đai cho ông D là gây thiệt hại đến quyền lợi của ông D.

Ngoài ra theo Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND ngày 13/01/2020 của

UBND tỉnh K quy định vị trí 1 tính từ hành lang biển đến mét 350 thì toàn bộ diện tích đất thuộc vị trí 1.

Ông Nguyễn Văn D yêu cầu Tòa án:

- Hủy Quyết định số 991/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 của UBND thành phố P; hủy Quyết định số 5358/QĐ-UBND ngày 27/10/2023 của Chủ tịch UBND thành phố P.

- Buộc UBND thành phố P xác định vị trí đất bị thu hồi, áp giá bồi thường đất và hỗ trợ chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm theo Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND ngày 13/01/2020 của UBND tỉnh K về ban hành quy định bảng giá đất giai đoạn 2020 – 2024 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Tại Văn bản số 905/UBND-NCPC ngày 14 tháng 5 năm 2024, người bị kiện Chủ tịch và Ủy ban nhân dân thành phố P trình bày:

Nguồn gốc đất diện tích 37.708,1m² tại ấp Đ, xã D, huyện P gồm 02 phần: Phần thứ nhất diện tích 21.406,4m² (trong đó có diện tích 3.406,4m² đất lộ giới và diện tích 18.000m²) ông Nguyễn Văn D đã được cấp giấy CNQSD đất vào năm 1994; Phần thứ hai diện tích 16.301,7m² chưa được cấp giấy CNQSD đất, nguồn gốc đất do cha mẹ ông D khai phá sử dụng trước năm 1990 và trồng D2, Đ cho lại ông D quản lý sử dụng.

Năm 2007 diện tích đất đã được kiểm kê đất đai, hoa màu và vật kiến trúc để thực hiện dự án Khu D thì ông Nguyễn Văn D kê khai toàn bộ diện tích 37.708,1m² đất nói trên.

Ngày 20/10/2011, UBND huyện (nay là thành phố) Phú Quốc ban hành Quyết định số 5046/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thuộc dự án Khu D tại xã D và thị trấn A, huyện P.

Ngày 27/10/2011, UBND thành phố ban hành Quyết định số 5219/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích 37.708,1m² đất đối với ông Nguyễn Văn D để thực hiện dự án (quyết định đã được tổ chức triển khai cho ông D vào ngày 08/12/2011).

Ngày 10/11/2011, UBND thành phố ban hành Quyết định số 5603/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn Văn D với tổng số tiền 4.155.416.500 đồng. Trong đó, bồi thường, hỗ trợ quyền sử dụng đất diện tích 21.406,4m². Còn lại diện tích 16.301,7m² đất chưa được bồi thường.

Ngày 10/11/2016, UBND thành phố ban hành Quyết định số 6880/QĐ-UBND về việc bổ sung bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 16.301,7m² cho ông Nguyễn Văn D với tổng số tiền là 6.666.073.800 đồng, trong đó: bồi thường quyền sử dụng đất diện tích 9.467,4m² (vị trí 1 giá 188.000 đồng/m²); diện tích 6.834,7m² (vị trí 2 giá 90.000 đồng/m²); hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm đối với diện tích 7.572,9m² (nằm trong diện tích 16.301,7m² do đủ

hạn mức hỗ trợ trước đó) với giá 188.000 đồng/m² (theo Quyết định số 28/2010/QĐ-UBND ngày 23/12/2010 về quy định giá đất năm 2011 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang). Ông D không thống nhất việc phương án áp giá bồi thường, hỗ trợ nên làm đơn khiếu nại gửi đến Chủ tịch UBND huyện xem xét.

Ngày 26/6/2017, Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 6270/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn D. Nội dung Quyết định: Thống nhất bổ sung Quyết định số 6880/QĐ-UBND ngày 10/11/2016 của UBND huyện P về việc bổ sung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Nguyễn Văn D. Bồi thường quyền sử dụng đất diện tích 16.301,7m² theo giá đất năm 2016 thuộc dự án Khu D tại xã D, huyện P.

Ngày 14/11/2019, UBND tỉnh K ban hành Quyết định số 2626/QĐ-UBND về giá đất cụ thể tính tiền bồi thường quyền sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án quy hoạch Khu D tại xã D, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 31/12/2019, UBND thành phố ban hành Quyết định số 7215/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bổ sung bồi thường, hỗ trợ quyền sử dụng đất, cây trồng, vật kiến trúc và hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm tại dự án Khu D tại khu phố G, thị trấn A và ấp Đ, xã D, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 18/02/2020, UBND thành phố ban hành Quyết định số 991/QĐ-UBND về việc bổ sung bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn Văn D với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 22.300.308.300 đồng. Trong đó: bồi thường diện tích 9.467,4m², loại đất trồng cây lâu năm, nằm trong phạm vi 200m biển và không tiếp giáp biển giá bồi thường là 2.124.000 đồng/m²; Diện tích 6.834,3m², loại đất trồng cây lâu năm, vị trí đất còn lại giá bồi thường là 465.000 đồng/m² (Bồi thường theo Quyết định số 2626/QĐ-UBND ngày 14/11/2019 của UBND tỉnh K); hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm đối với diện tích 7.572,90m² đơn giá giá hỗ trợ 750.000 đồng/m² (theo giá Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh K).

Sau khi nhận Quyết định ông D không thống nhất giá bồi thường, hỗ trợ nên làm đơn khiếu nại gửi đến Chủ tịch UBND thành phố P. Tại Biên bản làm việc ngày 21/7/2023, ông D yêu cầu nâng giá bồi thường quyền sử dụng đất diện tích 9.467,4m² từ giá 2.124.000 đồng/m² lên thành 2.761.000 đồng/m²; Yêu cầu nâng giá bồi thường quyền sử dụng đất diện tích 6.834,3m² từ giá 465.000 đồng/m² lên thành 2.124.000 đồng/m² theo Quyết định số 2626/QĐ-UBND ngày 14/11/2019 về giá đất cụ thể tính tiền bồi thường quyền sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án quy hoạch Khu D; Yêu cầu áp giá hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm diện tích 7.572,9m² theo giá quy định tại Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND ngày 13/01/2020 của UBND tỉnh K quy định bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Ngày 27/10/2023, Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định số 5358/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn D. Nội dung Quyết định: “*Giữ nguyên Quyết định số 991/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 về việc bổ sung bồi thường quyền sử dụng đất, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại dự án Khu D. Không thừa nhận nội dung khiếu nại yêu cầu nâng giá bồi thường quyền sử dụng đất diện tích 9.467,4m² từ giá 2.124.000 đồng/m² lên thành 2.761.000 đồng/m²; yêu cầu nâng giá bồi thường quyền sử dụng đất diện tích 6.834,3m² từ giá 465.000 đồng/m² lên thành 2.124.000 đồng/m² theo Quyết định số 2626/QĐ-UBND ngày 14/11/2019 về giá đất cụ thể tính tiền bồi thường quyền sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án quy hoạch Khu D; yêu cầu áp giá hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm diện tích 7.572,9m² theo giá quy định tại Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND ngày 13/01/2020 của UBND tỉnh K quy định bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang của ông Nguyễn Văn D*”.

Qua kết quả kiểm tra, xét thấy việc Nhà nước áp giá bồi thường bổ sung quyền sử dụng đất diện tích 9.467,4m² dọc theo bãi biển tính từ bờ biển vào sâu 200m không tiếp giáp biển giá bồi thường là 2.124.000 đồng/m²; diện tích 6.834,7m² nằm ngoài 200m biển không tiếp giáp mặt tiền đường nằm ngoài phạm vi 90m giá bồi thường là 465.000 đồng/m² là đúng theo Quyết định số 2626/QĐ-UBND ngày 14/11/2019 của UBND tỉnh K, phù hợp khoản 2 Điều 74 của Luật Đất đai năm 2013.

Việc ông Nguyễn Văn D yêu cầu áp giá hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với diện tích 7.572,9m² theo Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND ngày 13/01/2020 của UBND tỉnh K quy định bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang là không phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND ngày 13/01/2020 của UBND tỉnh K. Vì thực tế, thời điểm ban hành Quyết định phê duyệt bồi thường bổ sung cho ông D vào ngày 31/12/2019 là trước thời điểm Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND ngày 13/01/2020 của UBND tỉnh K có hiệu lực (có hiệu lực ngày 23/01/2020).

Từ cơ sở trên, đề nghị bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn D.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 107/2024/HC-ST ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D, cụ thể:

- Không chấp nhận yêu cầu hủy Quyết định số 991/QĐ-UBND ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc bổ sung bồi thường quyền sử dụng đất, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho ông Nguyễn Văn D;

- Không chấp nhận yêu cầu hủy Quyết định số 5358/QĐ-UBND ngày 27

tháng 10 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn D, địa chỉ ấp D, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang;

- Không chấp nhận yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thành phố P áp dụng Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh K về ban hành quy định bảng giá đất giai đoạn 2020 – 2024 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang để xác định lại vị trí đất, giá đất tính bồi thường, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với ông Nguyễn Văn D. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 30/6/2024, người khởi kiện ông Nguyễn Văn D có đơn kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện và đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày: Quyết định số 991/QĐ-UBND vẫn áp dụng giá đền bù theo Quyết định 35/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh K trong khi tại thời điểm ban hành Quyết định số 991/QĐ-UBND thì Quyết định 35/2014/QĐ-UBND đã bị thay thế bởi Quyết định 03/2020/QĐ-UBND là không đúng quy định của pháp luật; ủy ban xác định vị trí đất là vị trí 3 là không đúng mà phải xác định vị trí 1 mới chính xác. Ngoài ra, năm 2020 Ủy ban đã ban hành quyết định bồi thường nhưng đến năm 2021 ông D mới nhận được tiền bồi thường là bồi thường chậm và do lỗi của Ủy ban, gây thiệt hại cho ông D. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông D.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện không đồng ý kháng cáo của người khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của ông D là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện được làm đúng thời hạn, hình thức nội dung đảm bảo theo quy định pháp luật.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ, người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng Hành chính, Tòa án nhân dân Cấp Cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử vắng mặt các đương sự này.

[2] Xét kháng cáo của người khởi kiện, Hội đồng xét xử nhận định:

[2.1] Đối với Quyết định số 991/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 về việc bổ sung bồi thường, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho ông Nguyễn Văn D:

Thực hiện Dự án Khu D tại xã D, huyện (nay là thành phố) Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, ngày 27/10/2011, UBND huyện (nay là thành phố) Phú Quốc ban hành Quyết định số 5219/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích đất 37.708,1m² do ông Nguyễn Văn D sử dụng. Ngày 10/11/2011, UBND huyện (nay là thành phố) Phú Quốc ban hành Quyết định số 5603/QĐ-UBND bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn Văn D với tổng số tiền 4.155.416.500 đồng. Trong đó, bồi thường, hỗ trợ quyền sử dụng đất diện tích 21.406,4m². Còn lại diện tích 16.301,7m² đất chưa được bồi thường. Ngày 10/11/2016, UBND huyện (nay là thành phố) Phú Quốc ban hành Quyết định số 6880/QĐ-UBND bổ sung bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 16.301,7m² cho ông D với số tiền 6.666.073.800 đồng. Không đồng ý ông D có đơn khiếu nại.

Ngày 26/6/2017 Chủ tịch UBND huyện (nay là thành phố) Phú Quốc ban hành Quyết định số 6270/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại đối với ông D có nội dung thống nhất bổ sung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Nguyễn Văn D, quyết định có hiệu lực thi hành.

Trên cơ sở này, ngày 31/12/2019 UBND thành phố P ban hành Quyết định số 7215/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bổ sung bồi thường, hỗ trợ quyền sử dụng đất, cây trồng, vật kiến trúc và hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm tại dự án. Ngày 18/02/2020, UBND thành phố P ban hành Quyết định số 991/QĐ-UBND bổ sung bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn Văn D với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 22.300.308.300 đồng (đã trừ 6.666.073.800 đồng đã bồi thường trước đó theo Quyết định số 6880/QĐ-UBND). Trong đó: bồi thường diện tích 9.467,4m², loại đất trồng cây lâu năm (vị trí nằm trong phạm vi 200m biển và không tiếp giáp biển) giá bồi thường 2.124.000 đồng/m²; Diện tích 6.834,3m², loại đất trồng cây lâu năm (vị trí đất còn lại) giá bồi thường 465.000 đồng/m² (Bồi thường theo Quyết định số 2626/QĐ-UBND

ngày 14/11/2019 của UBND tỉnh K); hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm đối với diện tích 7.572,90m² đơn giá giá hỗ trợ 750.000 đồng/m² (theo giá đất nêu tại Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh K). Ông D đã nhận tiền và tiếp tục khiếu nại yêu cầu phải áp dụng Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 13/01/2020 của UBND tỉnh K để áp giá đất bồi thường, hỗ trợ cũng như xác định vị trí đất để ban hành quyết định bổ sung bồi thường, hỗ trợ cho ông D. Ngày 27/10/2023, Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định số 5358/QĐ-UBND bác khiếu nại của ông Nguyễn Văn D.

Hội đồng xét xử xét thấy: Quyết định số 991/UBND ngày 18/02/2020 được ban hành trên cơ sở Quyết định số 2626/QĐ-UBND ngày 14/11/2019 ban hành về giá đất cụ thể tính tiền bồi thường quyền sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án quy hoạch Khu D tại xã D, huyện P, tỉnh Kiên Giang và Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh K quy định bảng giá đất đối với các loại đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang là các quyết định của UBND tỉnh K đang có hiệu lực tại thời điểm ban hành quyết định bổ sung bồi thường, hỗ trợ là có căn cứ. Về giá đất cụ thể được áp dụng theo quy định tại Quyết định số 2626/QĐ-UBND ngày 14/11/2019 được xây dựng trên cơ sở giá đất thị trường, theo đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại khoản 1 Điều 15, Điều 16 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất và khoản 2 Điều 74 của Luật Đất đai năm 2013.

Mặt khác, theo quyết định thu hồi đất xác định loại đất là đất trồng cây lâu năm thuộc nhóm đất nông nghiệp, về vị trí đất đo đạc thực tế được xác định vị trí dọc theo bãi biển tính từ bờ biển vào sâu 200m không tiếp giáp biển, vị trí 1 có diện tích 9.467,4m², còn lại 6.834,3m² không tiếp giáp mặt tiền đường và nằm ngoài phạm vi 90m, vị trí này được xác định trên cơ sở Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 và Quyết định số 2626/QĐ-UBND ngày 14/11/2019 là phù hợp.

Tại khoản 1 Điều 12 Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND ngày 13/01/2020 của UBND tỉnh K ban hành quy định bảng giá đất giai đoạn 2020 – 2024 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang quy định: *“Đối với những dự án đã có quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được phê duyệt trước ngày quy định này có hiệu lực thì hành thì giá đất để tính hỗ trợ được áp dụng tại thời điểm quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, không áp dụng theo quy định này”*. Do đó, việc ông Nguyễn Văn D yêu cầu xác định vị trí đất sử dụng từ hành lang biển vào 350m và áp dụng giá đất để bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND ngày 13/01/2020 của UBND tỉnh K để tính tiền bồi thường, hỗ trợ là không có căn cứ.

Ngoài ra, quyết định về việc bồi thường, hỗ trợ được ban hành nhưng gần một năm mới thông báo cho ông D nhận tiền, tại Văn bản số 1095/UBND-NCPC ngày 06/6/2024 của UBND thành phố P đã giải thích lý do: *“... ngày 25/12/2020*

Sở T1 có Tờ trình 517/TTr-STC về việc chủ trương chi trả bồi thường, hỗ trợ đối với các dự án trên địa bàn thành phố P được UBND tỉnh K chấp thuận tại Công văn số 39/VP-KT ngày 05/01/2021...”, nên đây là yếu tố khách quan trong việc thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ đối với ông Nguyễn Văn D.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông D về việc hủy Quyết định số 991/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 của UBND thành phố P và buộc Ủy ban nhân dân thành phố P áp dụng Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh K về ban hành quy định bảng giá đất giai đoạn 2020 – 2024 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang để xác định lại vị trí đất, giá đất tính bồi thường, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với ông Nguyễn Văn D, là có cơ sở.

[2.2] Đối với Quyết định số 5358/QĐ-UBND ngày 27/10/2023 về việc giải quyết khiếu nại đối với ông Nguyễn Văn D:

Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành: Chủ tịch UBND thành phố P ban hành quyết định giải quyết khiếu nại đối với ông D là đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục theo quy định tại các Điều 27, 28, 30, 31 của Luật Khiếu nại.

Về nội dung giải quyết khiếu nại: Như đã phân tích tại mục [2.1], quyết định bồi thường, hỗ trợ được ban hành đúng pháp luật, nên Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định số 5358/QĐ-UBND bác đơn khiếu nại của ông D là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông D về việc hủy Quyết định số 5358/QĐ-UBND là đúng quy định của pháp luật.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy, kháng cáo của ông D là không có cơ sở chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên bản án sơ thẩm. Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn D là người cao tuổi nên được miễn, theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính;

Bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Văn D. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 107/2024/HC-ST ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Áp dụng Điều 74 của Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D, cụ thể:

- Không chấp nhận yêu cầu hủy Quyết định số 991/QĐ-UBND ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc bổ sung bồi thường quyền sử dụng đất, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho ông Nguyễn Văn D;

- Không chấp nhận yêu cầu hủy Quyết định số 5358/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn D, địa chỉ ấp D, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang;

- Không chấp nhận yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thành phố P áp dụng Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh K về ban hành quy định bảng giá đất giai đoạn 2020 – 2024 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang để xác định lại vị trí đất, giá đất tính bồi thường, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với ông Nguyễn Văn D.

2. Về án phí:

2.1. Án phí hành chính sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn D được miễn nộp án phí hành chính sơ thẩm.

Ủy ban nhân dân thành phố P không phải chịu án phí.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P không phải chịu án phí.

2.1. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn D được miễn.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP . HCM;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Thanh Thúy